

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Khu đô thị Hoàng Cát, quy mô: diện tích 227.818,5 m<sup>2</sup>,  
dân số khoảng 3.500 người tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành,  
huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Địa ốc  
Hoàng Cát Chơn Thành làm chủ đầu tư

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu đô thị Hoàng Cát, quy mô: diện tích 227.818,5 m<sup>2</sup>, dân số khoảng 3.500 người tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 27/CV-HCCT ngày 02/6/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 298/TTr-STNMT ngày 21/6/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị Hoàng Cát, quy mô: diện tích 227.818,5 m<sup>2</sup>, dân số khoảng 3.500 người (sau đây gọi là Dự án) do Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:**

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND thị trấn Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT<sub>(BH-39-QĐPD-22/6)</sub>.


  
**CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
 Huỳnh Anh Minh



**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ HOÀNG CÁT, QUY MÔ: DIỆN TÍCH**  
**227.818,5 M<sup>2</sup>, DÂN SỐ KHOẢNG 3.500 NGƯỜI TẠI KHU PHỐ**  
**TRUNG LỢI, THỊ TRẤN CHƠN THÀNH, HUYỆN CHƠN THÀNH,**  
**TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC HOÀNG CÁT**  
**CHƠN THÀNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1175.../QĐ-UBND ngày 27...6.../2022*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)*

**1. Thông tin về Dự án:**

**1.1. Tên Dự án:** Dự án Khu đô thị Hoàng Cát, quy mô: diện tích 227.818,5 m<sup>2</sup>, dân số khoảng 3.500 người.

**1.2. Chủ Dự án:** Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành.

Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3801150122 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 09/6/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08/11/2021.

Trụ sở chính: Tổ 4, khu phố 1, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công Hoàng, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

**1.3. Địa điểm thực hiện Dự án:** Khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**1.4. Phạm vi, quy mô:**

- Diện tích khu đất: Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2989/QĐ-UBND ngày 27/11/2020, Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 227.744,70 m<sup>2</sup> (theo Trích đo địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 19/01/2021, diện tích khu đất là 227.818,5 m<sup>2</sup>).

- Quy mô dân số khoảng 3.500 người.

**1.5. Công nghệ của Dự án:** Đầu tư xây dựng tầng kỹ thuật khu đô thị.

**1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án:** Đất ở, đất công trình công cộng (đất giáo dục, đất thương mại dịch vụ, đất thể dục thể thao), đất công viên cây xanh, đất hạ tầng kỹ thuật và đất giao thông.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

**2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Bụi từ quá trình thi công san nền; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyên; bụi, khí thải từ các hoạt động hàn, cắt, xỉ kim loại; khí thải từ hoạt động trải nhựa; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường; nước thải sinh hoạt; nước thải thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.



- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

## **2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

### **2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày, thành phần chủ yếu là cặn bẩn và các chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 4,25 m<sup>3</sup>/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD<sub>5</sub>, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

### **2.2.2. Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động:**

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng nước thải khoảng 421,85 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD<sub>5</sub>, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

## **2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

### **2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Bụi từ quá trình thi công san nền:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 1,79 mg/m<sup>3</sup>.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công:* Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động hàn, cắt, xì kim loại:* Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO<sub>x</sub>...

- *Bụi và khí thải từ hoạt động phối đá, trộn bê tông, xây dựng công trình nhà ở, trải nhựa:* Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, VOC.

- *Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường:* Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm là hơi dung môi (xylen, toluene, benzene...).

### **2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông:* Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

- *Khí thải và mùi hôi từ rác thải sinh hoạt, khu xử lý nước thải tập trung:* Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: CO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CO...

## **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:**

### **2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Chất thải rắn xây dựng:* Khối lượng phát sinh trong suốt quá trình xây dựng khoảng 1.843,309 tấn, chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng phát sinh khoảng 45 kg/ngày, chủ yếu



là rác thực phẩm, vỏ bao bì, gói, hộp đựng bằng nhựa, giấy, thủy tinh, kim loại...

#### **2.4.2. Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Tổng khối lượng phát sinh khoảng 5.272 kg/ngày, thành phần rác bao gồm rác thực phẩm, giấy, ni lông, carton, vải, gỗ, thủy tinh, xà bần, kim loại...

- *Chất thải rắn thông thường:* Tổng khối lượng bùn từ bể tự hoại khoảng 1.396,5 kg/ngày và lượng bùn từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 1,07 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học lẫn các vi sinh vật.

#### **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

**2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:** Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 362 kg trong quá trình xây dựng bao gồm các loại chất thải như giẻ lau dính sơn, dung môi; bao bì đựng sơn, dung môi; dung môi thải; dầu mầu que hàn...

**2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:** Lượng chất thải nguy hại phát sinh của Dự án khoảng 7.184 kg/năm bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; pin, ắc quy thải; các thiết bị linh kiện điện tử thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau; bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì mềm dính thành phần nguy hại...

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

#### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

##### **3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng:* Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng sơ bộ bằng đất có thể tích 12 m<sup>3</sup>. Bụi, đất, cát có trong nước thải được lắng xuống và phần nước sau lắng được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông của giai đoạn xây dựng.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng 03 nhà vệ sinh di động được làm bằng vật liệu composite với kích thước 01 nhà: dài x rộng x cao = 2,05 m x 1,45 m x 2,85 m, dung tích bồn chứa nước là 500 lít, dung tích bồn chứa phân là 1.600 lít. Khi các hầm chứa tại các nhà vệ sinh di động đầy, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt của công nhân phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông của giai đoạn xây dựng.

##### **3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

*Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:*

Chủ Dự án xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, khu thương mại dịch vụ, khu vực thể dục thể thao và trường mẫu giáo được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 05 ngăn, sau đó lượng nước thải này được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập



trung của Dự án để xử lý.

Trong giai đoạn đầu, khi chưa có hệ thống thu gom nước thải của huyện Chơn Thành đi qua khu vực Dự án, Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 510 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (hệ thống xử lý nước thải được xây dựng ngầm, bằng bê tông cốt thép, chống thấm), có quy trình công nghệ như sau: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 05 ngăn → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể MBBR → Bể aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT (k = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó thải ra suối Đôi (đường cống thoát nước thải dẫn ra suối Đôi đi qua đất dân, do đó, Chủ Dự án tự thỏa thuận với các hộ dân để đầu tư, đầu nối cống thoát nước thải của Dự án ra suối Đôi).

Trong trường hợp có đường ống thu gom, thoát nước thải của huyện Chơn Thành đi qua khu vực Dự án, Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đầu nối nước thải của Dự án vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải của địa phương, điểm đầu nối tại đường quy hoạch 24 m.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải:

Công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Hồ thu gom	3,2	2,2	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể điều hoà	4,8	4,6	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể anoxic	4,6	3,2	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể aerotank 1	08	3,4	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể aerotank 2	08	3,4	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể lắng sinh học	4,5	4,5	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể khử trùng	7,05	1,6	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể chứa bùn	4,5	2,3	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT (k = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó thải ra suối Đôi.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

#### 3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Các hạng mục gần khu dân cư được che chắn bằng tôn hoặc bạt cao 2,5 m, tưới nước giảm bụi trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi...



- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển, máy móc thiết bị:* Che phủ hợp lý để tránh phát tán bụi, sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, các phương tiện phải giảm tốc độ khi ra vào Dự án và tắt máy khi bốc dỡ...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động phối đá, trộn bê tông, xây dựng công trình nhà ở, trải nhựa:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân, sử dụng ô tô trải nhựa hiện đại, đảm bảo máy móc thiết bị thi công luôn nằm trong trạng thái kỹ thuật an toàn...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động hàn, cắt, sơn, xì kim loại, sơn tường:* Bố trí khu vực hàn, xì ở nơi có ít người qua lại và cuối hướng gió; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ lao động, huấn luyện về kỹ thuật thi công cho công nhân, sắp xếp thời gian làm việc hợp lý...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông:* Đảm bảo diện tích trồng cây xanh trong khu vực Dự án, bố trí nhân viên vệ sinh, quét đường, xe phun rửa đường...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi từ chất thải rắn sinh hoạt và khu xử lý nước thải tập trung:* Bố trí các thùng rác có nắp đậy; thực hiện thu gom rác vào thời điểm nhất định; hệ thống thu gom nước thải sẽ được xây kín; thường xuyên kiểm tra lượng vi sinh trong bể; vận hành đúng kỹ thuật; trồng cây xanh quanh hệ thống xử lý nước thải...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.



### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

#### **3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Chất thải rắn xây dựng*: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị 03 thùng chứa rác HDPE với thể tích 120 lít có nắp đậy để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình*: Từng hộ gia đình tự trang bị các thùng chứa rác có thể tích phù hợp để lưu chứa rác thải sinh hoạt và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn phát sinh từ khu vực trường mẫu giáo, khu vực thể dục thể thao và khu thương mại, dịch vụ*: Bố trí các thùng rác bằng nhựa HDPE có dung tích thích hợp, có nắp đậy để thu gom rác. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Rác thải đường phố*: Được thu gom bằng các thùng rác bằng nhựa HDPE có dung tích 60 lít có nắp đậy, bố trí trên các tuyến đường với khoảng cách 100 m/thùng. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Bùn từ bể tự hoại*: Các hộ gia đình, khu thương mại dịch vụ, trường mẫu giáo, khu thể dục thể thao hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý bùn trong bể tự hoại theo quy định của pháp luật hiện hành.

- *Bùn từ hệ thống xử lý nước thải*: Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.



### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

#### **3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Chất thải nguy hại:* Được thu gom, phân loại vào thùng chứa bằng nhựa dung tích 60 lít, có nắp đậy sau đó lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời với diện tích 06 m<sup>2</sup>, bằng tôn, có mái che và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

#### **3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 10 m<sup>2</sup> kết cấu: tường bao quanh bằng gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

#### **3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội:* Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

#### **3.5.2. Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Quy định tốc độ lưu thông tối đa của các loại xe bên trong khu vực Dự án; trồng cây xanh tạo hành lang cách ly,...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy



chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố cháy nổ:* Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy chữa cháy; đầu tư các thiết bị phòng cháy chữa cháy; bố trí đường ống dẫn nước chống cháy theo mạng lưới vòng tại tất cả các khu vực chính; đặt các họng cứu hỏa tại các điểm gần các khu chức năng thuận tiện cho việc chữa cháy...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước thải:* Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và đạt yêu cầu kỹ thuật; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng công trình; khi có sự cố vỡ ống nước xảy ra cần nhanh chóng xử lý kịp thời...

- *Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra, giám sát để phát hiện kịp thời sự cố không chống thấm của các bể, để có biện pháp cải tạo kịp thời.

### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cấp Giấy phép môi trường cho Dự án để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:**

#### **5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:**

##### **5.1.1. Giám sát môi trường không khí:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO<sub>x</sub>, CO, SO<sub>2</sub>.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.



### 5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

## 5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

### 5.2.1. Giám sát nước thải sinh hoạt:

\* *Trường hợp chưa có hệ thống thu gom nước thải của huyện Chơn Thành đi qua khu vực Dự án:*

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại đầu vào và 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1).

\* *Trường hợp hệ thống thu gom nước thải của huyện Chơn Thành được đầu tư hoàn thiện có đường ống dẫn nước thải đi qua khu vực Dự án:*

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại vị trí đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung của huyện Chơn Thành.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1).

### 5.2.2. Giám sát môi trường nước mặt (trường hợp chưa có hệ thống thu gom nước thải của huyện Chơn Thành đi qua khu vực Dự án):

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại vị trí xả thải ra suối Đồi.

- *Thông số giám sát:* pH, BOD<sub>5</sub>, COD, DO, TSS, amoni, clorua, florua, nitrat, nitrit, coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ



thuật quốc gia về nước mặt.

### **5.2.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:**

**6.1.** Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**6.2.** Toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

**6.3.** Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**6.4.** Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

**6.5.** Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 295/UBND ngày 26/11/2021 của UBND thị trấn Chơn Thành về việc ý kiến tham vấn Báo cáo ĐTM về Dự án Khu đô thị Hoàng Cát, quy mô: diện tích 227.818,5 m<sup>2</sup>, dân số khoảng 3.500 người và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 25/11/2021. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

**6.6.** Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

**6.7.** Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có văn bản thông báo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đến cơ quan thẩm quyền trước khi đưa Dự án đi vào vận hành chính thức theo đúng quy định.

**6.8.** Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.